

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP BỂ CÁ NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG

ĐINH THỊ HƯƠNG

Học viện Hành chính và Quản trị Công

Nhận bài ngày 20/4/2026. Sửa chữa xong 25/5/2026. Duyệt đăng 30/5/2026.

Abstract

This study investigates the effectiveness of the Fishbowl method in teaching English writing skills to English-major students at the National Academy of Public Administration. A one-group pretest-posttest design was conducted with 30 second-year students. Data were collected through writing tests and questionnaires and analyzed using descriptive statistics and t-test analysis. The findings indicate that the Fishbowl method improved students' idea development, essay organization, and argumentation. In addition, the method enhanced students' classroom engagement and critical thinking during the writing process.

Keywords: Academic writing skills, English language teaching, English-major students, fishbowl method, interactive teaching.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tiếng Anh đã trở thành công cụ thiết yếu giúp sinh viên (SV) tiếp cận tri thức và mở rộng cơ hội nghề nghiệp, đặc biệt đối với SV ngành Ngôn ngữ Anh tại Học viện Hành chính và Quản trị công - nơi đòi hỏi người học không chỉ vững chuyên môn mà còn có khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt trong môi trường hành chính và giao tiếp quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy kỹ năng viết tiếng Anh của SV vẫn còn nhiều hạn chế như thiếu ý tưởng, lập luận chưa chặt chẽ, diễn đạt còn rời rạc và chưa phát huy được tư duy phản biện, trong khi phương pháp giảng dạy truyền thống chưa tạo được môi trường học tập tương tác, phát huy vai trò chủ thể của người học. Trước yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực, phương pháp “bể cá” (Fishbowl) được xem là một hướng tiếp cận hiệu quả khi tạo điều kiện cho SV tham gia thảo luận, quan sát và phản hồi lẫn nhau, qua đó hỗ trợ hình thành ý tưởng, phát triển tư duy và nâng cao chất lượng bài viết. Xuất phát từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu và áp dụng phương pháp bể cá trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh cho SV ngành Ngôn ngữ Anh tại Học viện Hành chính và Quản trị công là cần thiết nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và đáp ứng yêu cầu đào tạo trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kỹ năng viết tiếng Anh trong đào tạo sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

Kỹ năng viết tiếng Anh được hiểu là khả năng sử dụng ngôn ngữ viết để biểu đạt ý tưởng, lập luận và truyền tải thông tin một cách chính xác, mạch lạc và phù hợp với ngữ cảnh học thuật. Trong giảng dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ, viết không chỉ là sản phẩm cuối cùng mà còn là một quá trình nhận thức phức hợp, đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức ngôn ngữ, tư duy logic và năng lực học thuật. Theo Hyland, viết học thuật là một hoạt động mang tính xã hội, trong đó người viết cần tương tác với tri thức, độc giả và các quy ước của cộng đồng học thuật (Hyland, 2019). Đối với SV ngành Ngôn ngữ Anh, kỹ năng viết giữ vai trò trung tâm trong chương trình đào tạo. Viết không chỉ là một học phần riêng mà còn là công cụ hỗ trợ cho nhiều hoạt động học thuật như đọc tài liệu chuyên ngành, viết tiểu luận, báo

Email: huongdt@apag.edu.vn

cáo nghiên cứu và khóa luận. Harmer cho rằng viết giúp người học củng cố kiến thức ngữ pháp, mở rộng vốn từ và phát triển tư duy phân biện sâu sắc hơn so với nhiều hình thức luyện tập khác (Harmer, 2015). Ở góc độ đào tạo chuyên ngành, kỹ năng viết còn là tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ ở mức học thuật. SV không chỉ cần viết đúng mà còn phải thể hiện khả năng lập luận, phân tích và phân biện các vấn đề học thuật (Teuscher, 2009).

2.2. Phương pháp bể cá (Fishbowl) trong dạy học ngoại ngữ ở bậc đại học

Phương pháp bể cá (Fishbowl) là một hình thức thảo luận nhóm có cấu trúc, trong đó một nhóm nhỏ người học tham gia thảo luận trực tiếp ở trung tâm lớp học (vòng trong), trong khi các thành viên còn lại quan sát, ghi chép và phản hồi (vòng ngoài). Cách tổ chức này tạo ra hai dạng tương tác song song: tương tác trực tiếp giữa người tham gia và tương tác gián tiếp thông qua quan sát và phản tư. Theo Brookfield và Preskill (Brookfield & Preskill, 2016), Fishbowl giúp phát triển kỹ năng lắng nghe tích cực, phân tích lập luận và phản hồi có cơ sở. Về nguồn gốc, phương pháp này ban đầu được sử dụng trong đào tạo kỹ năng giao tiếp và điều hành hội thảo nhằm kiểm soát thảo luận trong các nhóm đồng (Briggs, 2005). Sau đó, Fishbowl được đưa vào môi trường giáo dục đại học, nơi người học được kỳ vọng có khả năng thảo luận và phân biện học thuật. Le Borgne (Le Borgne, 2010) cho rằng phương pháp này phù hợp với các lớp học yêu cầu mức độ tham gia cao nhưng vẫn đảm bảo tính tổ chức và chiều sâu của thảo luận. Trong dạy học ngoại ngữ, Fishbowl được xem là một kỹ thuật học tập hợp tác, nhấn mạnh vai trò của tương tác xã hội trong quá trình học ngôn ngữ (Barkley et al., 2005). Phương pháp này không chỉ tạo cơ hội thực hành ngôn ngữ mà còn giúp người học nâng cao nhận thức về việc sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh học thuật. Về quy trình tổ chức, một buổi học theo mô hình Fishbowl thường bắt đầu bằng việc giảng viên xác định mục tiêu học tập và nhiệm vụ thảo luận rõ ràng, chẳng hạn như thảo luận chủ đề học thuật, phân tích văn bản hoặc trao đổi ý tưởng trước khi viết. Tiếp theo, lớp học được phân chia thành hai nhóm: vòng trong tham gia thảo luận trực tiếp và vòng ngoài thực hiện quan sát, ghi chép và chuẩn bị phản hồi. Việc giao nhiệm vụ cụ thể cho nhóm quan sát được xem là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động (Teuscher, 2009). Trong giai đoạn thảo luận, SV vòng trong sử dụng ngoại ngữ để trình bày quan điểm, trao đổi và phân biện, dưới sự điều phối của giảng viên. Sau đó, giai đoạn phản hồi toàn lớp được thực hiện, trong đó SV vòng ngoài chia sẻ nhận xét và mở rộng nội dung thảo luận (Brookfield & Preskill, 2016). Cuối cùng, vai trò có thể được luân chuyển để đảm bảo mọi SV đều có cơ hội tham gia.

2.3. Kết quả đánh giá và thảo luận

2.3.1. Hiệu quả của phương pháp bể cá trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu số 1: “Việc áp dụng phương pháp bể cá trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh có giúp cải thiện kết quả viết của SV ngành Ngôn ngữ Anh hay không?”, trước hết nghiên cứu tiến hành kiểm định phân phối chuẩn (normality test) đối với dữ liệu điểm số của SV trong bài pre-test và post-test nhằm xác định loại kiểm định thống kê phù hợp. Kết quả kiểm định Shapiro-Wilk cho thấy dữ liệu điểm số của SV ở cả bài kiểm tra trước thực nghiệm ($p = 0,118$) và sau thực nghiệm ($p = 0,121$) đều có giá trị p lớn hơn 0,05. Điều này chứng tỏ dữ liệu tuân theo phân phối chuẩn, đáp ứng điều kiện để sử dụng các kiểm định tham số, cụ thể là kiểm định Paired Samples t-test nhằm đánh giá sự khác biệt giữa điểm số trước và sau thực nghiệm. Kết quả này cho thấy dữ liệu đáp ứng giả định của các kiểm định tham số, do đó nghiên cứu có thể sử dụng kiểm định Paired Samples t-test để so sánh sự khác biệt giữa điểm pre-test và post-test nhằm đánh giá hiệu quả của phương pháp bể cá trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh. Để đánh giá hiệu quả của phương pháp bể cá trong việc nâng cao kỹ năng viết tiếng Anh của SV, nghiên cứu tiến hành phân tích dữ liệu thống kê dựa trên kết quả của bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm. Các chỉ số thống kê mô tả và kiểm định được sử dụng nhằm xác định mức độ cải thiện trong kết quả viết của SV.

Bảng 1: Dữ liệu thống kê của điểm Pre-test và Post-test

Test	No.	Min	Max	Mean	Std. Deviation
Pre-test	30	5.5	6.5	5.850	.2675
Post-test	30	6.5	7.5	6.917	.3495

Bảng 1 trình bày các chỉ số thống kê mô tả của điểm pre-test và post-test của 30 SV tham gia nghiên cứu. Kết quả cho thấy điểm trung bình của SV trong bài pre-test là 5.850, trong khi điểm trung bình của bài post-test tăng lên 6.917. Như vậy, điểm trung bình đã tăng khoảng 1.067 điểm sau khi áp dụng phương pháp bể cá. Xét về khoảng điểm, điểm pre-test dao động từ 5.5 đến 6.5, trong khi điểm post-test dao động từ 6.5 đến 7.5. Điều này cho thấy mức điểm của SV sau thực nghiệm đã được cải thiện rõ rệt và chuyển sang một khoảng điểm cao hơn so với trước thực nghiệm. Bên cạnh đó, độ lệch chuẩn (Std. Deviation) của pre-test là 0.2675 và của post-test là 0.3495. Giá trị độ lệch chuẩn tương đối nhỏ trong cả hai trường hợp cho thấy mức độ phân tán điểm số không lớn, nghĩa là trình độ của SV trong lớp khá đồng đều. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn của post-test cao hơn nhẹ so với pre-test, cho thấy sau thực nghiệm có sự khác biệt rõ hơn giữa các SV về mức độ cải thiện kỹ năng viết.

Bảng 2: Kết quả kiểm định Paired Samples Test

Pair		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. De- viation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	Post-test - Pre-test	1.0667	0.1729	0.0316	1.0021	1.1312	33.796	29	0.000

Kết quả thống kê cho thấy điểm trung bình bài post-test đạt 6,917, cao hơn đáng kể so với điểm trung bình pre-test là 5,850. Đồng thời, hệ số tương quan giữa hai lần đo đạt $r = 0,876$ ($p = 0,000$), phản ánh mối tương quan chặt chẽ giữa kết quả trước và sau thực nghiệm. Kết quả kiểm định ở bảng 2 cho thấy giá trị $t = 33.796$, với $df = 29$ và $\text{Sig. (2-tailed)} = 0.000$. Vì giá trị p nhỏ hơn 0.05 ($p < 0.05$), có thể khẳng định sự khác biệt giữa điểm pre-test và post-test là có ý nghĩa thống kê. Khoảng tin cậy 95% của sự khác biệt nằm trong khoảng từ 1.0021 đến 1.1312, cho thấy mức độ cải thiện là đáng kể và nhất quán. Những kết quả này chứng minh việc áp dụng phương pháp bể cá trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh đã mang lại hiệu quả tích cực, giúp SV cải thiện đáng kể kết quả viết của mình. Sự gia tăng điểm trung bình cùng với kết quả kiểm định có ý nghĩa thống kê cho thấy phương pháp này không chỉ hỗ trợ SV trong việc phát triển ý tưởng mà còn nâng cao khả năng tổ chức và diễn đạt trong bài viết.

2.3.2. Thái độ của sinh viên với phương pháp bể cá vào dạy học kỹ năng viết

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ ba: “SV có thái độ như thế nào đối với việc áp dụng phương pháp bể cá trong quá trình học tập kỹ năng viết tiếng Anh?”, nghiên cứu tiến hành phân tích dữ liệu thu thập từ bảng hỏi khảo sát SV sau thực nghiệm. Các phản hồi được đo lường theo thang Likert 5 mức độ và được xử lý thông qua các chỉ số thống kê mô tả nhằm đánh giá mức độ đồng thuận của SV đối với các khía cạnh của phương pháp bể cá. Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy hệ số Cronbach’s Alpha của thang đo đạt 0,829 với 15 biến quan sát. Theo Nunnally và Bernstein (1994), giá trị này vượt ngưỡng 0,7 và thể hiện mức độ tin cậy tốt của công cụ khảo sát. Theo tiêu chuẩn của Nunnally và Bernstein (Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H., 1994), một thang đo được xem là có độ tin cậy chấp nhận được khi hệ số Cronbach’s Alpha lớn hơn 0.7. Đồng thời, Hair và cộng sự cũng khẳng định rằng các giá trị từ 0.8 trở lên thể hiện mức độ tin cậy tốt của thang đo (Hair et al., 2010). Với giá trị 0.829, bảng hỏi trong nghiên cứu này đạt mức độ tin cậy cao, cho thấy các mục hỏi có sự tương quan chặt chẽ và đo lường nhất quán cùng một khái niệm nghiên cứu, cụ thể là thái độ của SV đối với phương pháp bể cá trong học tập kỹ năng viết tiếng Anh. Kết quả này chứng tỏ công cụ khảo sát được thiết kế phù hợp và có thể được sử dụng một cách đáng tin cậy trong các phân tích tiếp theo, bao gồm phân tích thống kê mô tả và đánh giá mức độ đồng thuận của SV đối với phương pháp bể cá.

Bảng 3: Thống kê mô tả kết quả đánh giá thái độ của SV về phương pháp bể cá

Mã biến	Nội dung	Min	Max	Mean	Std. Deviation
Q1	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia các hoạt động học tập theo phương pháp bể cá.	3	5	4.03	0.615
Q2	Phương pháp bể cá giúp tôi tham gia tích cực hơn vào giờ học viết.	3	5	4.10	0.759
Q3	Tôi cảm thấy thoải mái khi thảo luận cùng bạn học trong hoạt động bể cá.	3	5	4.03	0.615

Q4	Phương pháp bể cá làm cho giờ học viết trở nên sinh động hơn.	3	5	4.07	0.691
Q5	Hoạt động bể cá giúp tôi có nhiều ý tưởng hơn trước khi viết.	3	5	3.83	0.648
Q6	Phương pháp bể cá giúp tôi hiểu rõ hơn cách tổ chức bài viết.	3	5	4.20	0.664
Q7	Việc nghe ý kiến của bạn học giúp tôi phát triển luận điểm tốt hơn.	3	5	4.27	0.740
Q8	Phương pháp bể cá giúp tôi xây dựng dàn ý bài viết dễ dàng hơn.	3	5	4.00	0.743
Q9	Phương pháp bể cá giúp tôi suy nghĩ sâu hơn về chủ đề viết.	3	5	4.03	0.556
Q10	Hoạt động thảo luận theo phương pháp bể cá giúp tôi cải thiện khả năng lập luận.	3	5	3.97	0.669
Q11	Tôi học được cách phản biện ý kiến của người khác thông qua hoạt động bể cá.	3	5	4.07	0.691
Q12	Phương pháp bể cá giúp tôi tự tin hơn khi bảo vệ quan điểm trong bài viết.	3	5	4.10	0.803
Q13	Sau khi tham gia hoạt động bể cá, tôi cảm thấy tự tin hơn khi viết bài luận tiếng Anh.	3	5	3.97	0.718
Q14	Phương pháp bể cá giúp tôi cải thiện kết quả viết của mình.	3	5	3.97	0.669
Q15	Tôi muốn tiếp tục được học kỹ năng viết bằng phương pháp bể cá trong thời gian tới.	3	5	4.03	0.669

Bảng 3 trình bày kết quả thống kê mô tả về thái độ của SV đối với phương pháp bể cá thông qua 15 biến quan sát theo thang đo Likert 5 mức độ. Nhìn chung, tất cả các giá trị trung bình (Mean) đều dao động từ 3.83 đến 4.27, cho thấy SV có xu hướng đồng ý với các phát biểu, từ đó phản ánh thái độ tích cực đối với phương pháp bể cá trong học tập kỹ năng viết tiếng Anh. Trước hết, ở nhóm tiêu chí liên quan đến mức độ hứng thú và tham gia, các giá trị trung bình đều trên 4.0, cụ thể: Q1 (4.03), Q2 (4.10), Q3 (4.03) và Q4 (4.07). Điều này cho thấy phương pháp bể cá giúp tăng sự hứng thú và khuyến khích SV tham gia tích cực hơn vào giờ học viết, đồng thời tạo môi trường học tập thoải mái và sinh động.

Đối với nhóm tiêu chí về phát triển ý tưởng và tổ chức bài viết, các giá trị trung bình cũng ở mức cao, đặc biệt Q6 (4.20) và Q7 (4.27) là hai giá trị cao nhất trong toàn bộ bảng. Điều này cho thấy SV đánh giá cao vai trò của phương pháp bể cá trong việc giúp họ hiểu rõ cách tổ chức bài viết và phát triển luận điểm thông qua việc lắng nghe và trao đổi ý kiến với bạn học. Tuy nhiên, Q5 có Mean = 3.83 thấp hơn các tiêu chí khác, cho thấy việc hình thành ý tưởng mới vẫn còn phụ thuộc vào từng cá nhân và chưa đồng đều.

Ở nhóm tiêu chí về tư duy phản biện và lập luận, các giá trị trung bình dao động từ 3.97 đến 4.07 (Q9-Q11), cho thấy SV nhận thấy phương pháp bể cá có tác động tích cực đến khả năng suy nghĩ sâu và phản biện ý kiến. Điều này phù hợp với đặc trưng của phương pháp bể cá là khuyến khích thảo luận và trao đổi đa chiều.

Đối với nhóm tiêu chí về sự tự tin và hiệu quả học tập, các giá trị trung bình cũng tương đối cao, dao động từ 3.97 đến 4.10 (Q12-Q15). SV cho rằng phương pháp này giúp họ tự tin hơn khi viết và cải thiện kết quả học tập. Đặc biệt, Q12 (4.10) cho thấy sự gia tăng rõ rệt về mức độ tự tin khi bảo vệ quan điểm trong bài viết. Tuy nhiên, một số tiêu chí như Q13 và Q14 có Mean = 3.97, phản ánh mức độ cải thiện vẫn chưa hoàn toàn đồng đều giữa các SV.

Về độ lệch chuẩn (Std. Deviation), các giá trị dao động từ khoảng 0.556 đến 0.803, cho thấy mức độ phân tán không quá lớn và phản hồi của SV tương đối đồng nhất. Điều này càng củng cố độ tin cậy của kết quả khảo sát.

Tổng thể, kết quả cho thấy SV có thái độ tích cực đối với việc áp dụng phương pháp bể cá trong học tập kỹ năng viết tiếng Anh. Phương pháp này đặc biệt hiệu quả trong việc nâng cao mức độ tham gia, phát triển ý tưởng, tổ chức bài viết và thúc đẩy tư duy phản biện. Tuy nhiên, tác động đến một số khía cạnh như hình thành ý tưởng mới và sự cải thiện đồng đều giữa các cá nhân vẫn còn hạn chế cần được tiếp tục nghiên cứu và điều chỉnh trong quá trình triển khai.

2.3.3. Thảo luận về hiệu quả của phương pháp bể cá đối với việc dạy và học kỹ năng viết

Từ các kết quả phân tích, có thể khẳng định phương pháp bể cá (Fishbowl) có tác động tích cực và tương đối toàn diện đối với việc dạy và học kỹ năng viết tiếng Anh của SV ngành Ngôn ngữ Anh. Trước hết, đối với câu hỏi nghiên cứu thứ nhất, kết quả kiểm định thống kê cho thấy điểm số post-test cao hơn đáng kể so với pre-test, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). Điều này chứng minh rằng việc áp dụng phương pháp bể cá đã góp phần cải thiện rõ rệt kết quả viết của SV, không chỉ về điểm số mà còn về mức độ tiến bộ tương đối đồng đều trong lớp học. Kết quả này có thể được lý giải dựa trên lý thuyết kiến tạo xã hội của Vygotsky, trong đó nhấn mạnh vai trò của tương tác xã hội trong quá trình hình thành tri thức (Vygotsky, 1978). Thông

qua hoạt động thảo luận theo mô hình bể cá, SV có cơ hội trao đổi, thương lượng ý nghĩa và xây dựng hiểu biết mới, từ đó nâng cao năng lực viết. Ngoài ra, kết quả này cũng phù hợp với quan điểm của Barkley, Cross và Major, khi cho rằng các phương pháp học tập hợp tác giúp tăng cường sự tham gia và nâng cao hiệu quả học tập (Barkley et al., 2005). Trong bối cảnh dạy viết, sự tương tác này đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ SV hiểu rõ hơn cách phát triển ý tưởng và tổ chức bài viết. Thứ hai, đối với câu hỏi nghiên cứu thứ hai, kết quả phân tích theo từng tiêu chí cho thấy phương pháp bể cá có tác động tích cực nhưng không đồng đều đến các khía cạnh của kỹ năng viết. Cụ thể, các tiêu chí như ý tưởng, tổ chức bài viết và lập luận đều ghi nhận sự cải thiện rõ rệt sau thực nghiệm, thể hiện qua sự gia tăng điểm trung bình và xu hướng giảm của độ lệch chuẩn. Điều này cho thấy không chỉ mức độ tiến bộ chung được nâng cao mà còn có sự cải thiện tương đối đồng đều giữa các SV. Trong đó, tiêu chí tổ chức bài viết và lập luận có mức tăng nổi bật nhất, cho thấy phương pháp bể cá đặc biệt hiệu quả trong việc giúp SV sắp xếp ý tưởng, xây dựng cấu trúc bài viết logic và hình thành lập luận chặt chẽ. Tiêu chí ý tưởng có sự cải thiện đáng kể, phản ánh vai trò của hoạt động thảo luận trong việc hỗ trợ SV huy động và mở rộng ý tưởng trước khi viết. Tiêu chí xác định ngôn ngữ tuy có cải thiện nhưng ở mức độ thấp hơn, đồng thời độ lệch chuẩn có xu hướng tăng nhẹ, phản ánh sự tiến bộ chưa đồng đều giữa các SV.

Kết quả nghiên cứu này phù hợp với mô hình dạy viết theo quá trình của Flower và Hayes, trong đó nhấn mạnh vai trò của giai đoạn lập kế hoạch và phát triển ý tưởng (Flower & Hayes, 1981). Phương pháp bể cá đặc biệt hỗ trợ hiệu quả giai đoạn tiền viết, giúp SV xây dựng khung bài viết trước khi chuyển sang giai đoạn viết chính thức. Đồng thời, kết quả cũng tương đồng với nghiên cứu của Siregar và cộng sự về vai trò của thảo luận nhóm trong việc cải thiện khả năng tổ chức ý tưởng và lập luận (Siregar et al., 2022). Việc mức độ cải thiện về ngôn ngữ còn hạn chế cũng phù hợp với quan điểm của Hyland (Hyland, 2019), khi cho rằng độ chính xác ngôn ngữ cần được phát triển thông qua các hoạt động luyện tập chuyên biệt. Do đó, để tối ưu hóa hiệu quả của phương pháp bể cá cần kết hợp phương pháp này với các hoạt động luyện tập ngôn ngữ có kiểm soát nhằm phát triển toàn diện kỹ năng viết cho SV.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã chứng minh việc áp dụng phương pháp bể cá (Fishbowl) trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh mang lại hiệu quả tích cực đối với SV ngành Ngôn ngữ Anh. Kết quả thực nghiệm cho thấy SV có sự cải thiện rõ rệt về phát triển ý tưởng, tổ chức bài viết và lập luận, đồng thời tăng cường tư duy phản biện và mức độ tham gia trong lớp học. Về mặt ứng dụng, nghiên cứu cung cấp một mô hình giảng dạy cụ thể và khả thi để triển khai trong các học phần viết học thuật, góp phần hỗ trợ giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường tương tác và phản hồi. Phương pháp bể cá không chỉ giúp nâng cao năng lực viết học thuật mà còn phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng hợp tác và sự tự tin của SV. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng quy mô mẫu, thiết kế nghiên cứu có nhóm đối chứng, kéo dài thời gian thực nghiệm và kết hợp phương pháp bể cá với các hoạt động luyện tập ngôn ngữ nhằm phát triển toàn diện kỹ năng viết. Đồng thời, cần tiếp tục nghiên cứu khả năng ứng dụng phương pháp này trong các kỹ năng khác và trong môi trường học tập trực tuyến để nâng cao hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ trong bối cảnh hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Barkley, E. F., Cross, K. P., & Major, C. H. (2005). *Collaborative learning techniques: A handbook for college faculty*. Jossey-Bass.
- Brookfield, S. D., & Preskill, S. (2016). *The discussion book: 50 great ways to get people talking*. Jossey-Bass.
- Flower, L., & Hayes, J. R. (1981). A cognitive process theory of writing. *College Composition and Communication*, 32(4), 365-387.
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Prentice Hall.
- Harmer, J. (2015). *How to teach writing*. Pearson Education.
- Hyland, K. (2019). *Second language writing* (2nd ed.). Cambridge University Press.
- Le Borgne, E. (2010). Fishbowl discussion as a teaching strategy. *Educational Review*, 62(4), 455-468.
- Nguyen, H. A. (2020). Ảnh hưởng của phương pháp dạy viết theo quá trình đối với kỹ năng viết của sinh viên. *Tạp chí Giáo dục*, 24(3), 45-50.
- Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric theory* (3rd ed.). McGraw-Hill.
- Siregar, F., et al. (2022). The use of fishbowl technique in teaching writing. *Journal of English Language Teaching*, 11(2), 150-160.
- Teuscher, D. (2009). Fishbowl discussions in mathematics classrooms. *Mathematics Teacher*, 102(7), 522-526.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.